

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 15/8/2023

“ V/v Kiện đòi nợ ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Diễm và ông Vũ Duy Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐST-DS ngày 05/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 27/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn 4, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt). Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc Ánh và anh Lê Văn Long; Địa chỉ: 89 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thế N**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Ngọc Hòa, xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Hà Văn H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn Ngọc Hòa, xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh T và người đại diện trình bày như sau: Anh Nguyễn Thế N có vay của anh tổng cộng 284.700.000 đồng, cụ thể các lần vay như sau: Ngày 19/6/2018 vay 50 triệu đồng; 28/7/2018 vay 50 triệu đồng; 14/8/2018 vay 30 triệu đồng; 23/8/2018 vay 20 triệu đồng; 27/8/2018 vay 30 triệu đồng; 29/10/2019 vay 50 triệu đồng; 15/06/2020 vay 20 triệu đồng; 28/7/2020 vay 11.900.000 đồng; 31/8/2020 vay 11.200.000 đồng; 30/9/2020 vay 11.600.000 đồng, hình thức vay bằng tiền mặt và

chuyển khoản. Sau nhiều lần đòi nợ nhưng anh N chưa trả, vì vậy anh khởi kiện yêu cầu anh N phải thanh toán trả nợ cho anh số tiền 284.700.000 đồng, không yêu cầu giải quyết về tiền lãi.

Lời khai của anh Nguyễn Thế N trong hồ sơ trình bày: Anh làm nghề xây dựng, cai thầu công trình, đã mượn tư cách pháp nhân của Công ty TNHH TM – Hana do vợ anh T làm giám đốc để thực hiện các giao dịch liên quan đến công việc, vì thế giao dịch có liên quan anh thanh toán qua tài khoản của anh T, số tài khoản 2302215044932, mở tại Ngân hàng nông nghiệp - Chi nhánh huyện Ninh Giang. Anh xác nhận có vay nợ anh T với tổng số tiền 284.700.000 đồng, đúng như diễn giải từng lần vay anh T trình bày, tuy nhiên anh xác định đã trả nợ xong cho anh T, cụ thể là anh đã vay tiền tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Phòng giao dịch Ninh Giang để chuyển vào tài khoản của anh T, ngày 27/8/2019 anh chuyển 400 triệu đồng; ngày 09/6/2020 chuyển 450 triệu đồng; ngày 19/6/2020 chuyển 400 triệu đồng. Trong số tiền chuyển khoản trên là để trả khoản nợ vay của anh T và nhờ anh T chuyển trả nợ vay của anh Nguyễn Văn B, số tiền dư còn lại khi chuyển khoản cho anh T là các khoản tiền khác liên quan đến việc kinh doanh xây dựng của anh. Anh xác định đã trả nợ xong cho anh T như đã trình bày, do vậy anh N khởi kiện đòi nợ anh không nhất trí.

Người làm chứng ông H bà H1 trình bày: Do anh N cần tiền để làm ăn kinh doanh nên đã nhờ vợ chồng ông thế chấp tài sản để vay ngân hàng và cho anh N vay lại. Vì là cậu cháu nên đã giúp đỡ anh N làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Phòng giao dịch Ninh Giang theo hợp đồng tín dụng số HDTD58A2020047, ngày 08/06/2020. Liên hệ giao dịch về việc làm thủ tục vay tiền do anh N thực hiện, Ngân hàng về nhà ông, bà để ký kết hợp đồng và các tài liệu liên quan. Ngày 09/6/2020 ngân hàng đã giải ngân số tiền 450 triệu đồng, số tiền được chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Văn T là do anh N trực tiếp đề nghị thực hiện. Ông, bà xác định chỉ là người đứng tên vay ngân hàng và cho anh N vay lại, anh N đề nghị chuyển tiền vay vào tài khoản của anh T để làm gì ông, bà không biết. Việc vay nợ giữa vợ chồng ông và anh N là do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đại diện VKSND phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 235, 259, 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, làm rõ việc mua bán hàng hóa giữa anh N và anh T trong hồ sơ

vay vốn Ngân hàng có thật hay không; các vấn đề liên quan hợp đồng vay vốn của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt; yêu cầu Công ty TNHH TM – Hana cung cấp hóa đơn, chứng từ giao dịch giữa anh T với anh N, ông H trong hợp đồng mua bán, nguồn gốc hàng hóa, mục đích sử dụng; lý do anh N không chuyển khoản tiền mua hàng hóa vào tài khoản của Công ty TNHH TM – Hana mà lại chuyển vào tài khoản của anh T, việc chuyển tiền có thật hay không; anh N, chị X, ông H, bà H1 có mua hàng của anh T hay không, mua của anh T hay mua của Công ty TNHH TM – Hana; đưa ông H, bà H1, chị X, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Xét thấy các chứng cứ Tòa án đã thu thập trong hồ sơ và tại phiên tòa là đầy đủ, có giá trị chứng minh để giải quyết vụ án. Ông H, bà H1, chị X và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt không có quyền lợi, N vụ gì liên quan đến việc vay nợ giữa anh T và N, do vậy HĐXX không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan trong vụ án, không chấp nhận yêu cầu của đại diện VKSND đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ. Đại diện VKSND không phát biểu quan điểm giải quyết về nội dung vụ án, HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào nội dung các đương sự thống nhất trình bày phù hợp với các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Thế N có nhiều lần vay tiền của anh Nguyễn Văn T, tổng cộng là 284.700.000 đồng, việc vay nợ giữa hai bên là tự nguyện, được lập thành văn bản, do vậy đây là giao dịch có hiệu lực, làm phát sinh quyền và N vụ của các bên.

[2] Các đương sự thống nhất xác nhận về thời gian vay, số tiền vay nợ là có thật, đây là sự kiện không phải chứng minh, tuy nhiên anh N cho rằng đã chuyển tiền vào tài khoản của anh T để trả tiền nợ vay, về phía anh T xác nhận anh N trình bày chuyển tiền vào tài khoản của anh là đúng, nhưng không phải để trả nợ vay mà là trả tiền mua hàng. HĐXX thấy rằng: Theo tài liệu Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt cung cấp thể hiện vợ chồng anh N đã hai lần vay tiền tại Ngân hàng và một lần nhờ cậu mợ ruột là ông H bà H1 vay tiền hộ tại Ngân hàng, tiền sau khi vay được chuyển toàn bộ vào tài khoản của anh T, số TK 2302215044932, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp - Chi nhánh huyện Ninh Giang (Ngày 27/8/2019 chuyển 400 triệu đồng; ngày 09/6/2020 chuyển 450 triệu đồng; ngày 19/6/2020 chuyển 400 triệu đồng, tổng cộng 1.250.000.000 đồng). Tại hồ sơ vay vốn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt anh N đã cung cấp Hợp đồng ký kết giữa anh N và anh T, các hóa

đơn mua bán hàng, thể hiện anh N có giao dịch mua hàng của anh T, mục đích sử dụng tiền vay của anh N ghi nhận là để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh sơn nước, sơn tường các loại. Như vậy tài liệu của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt cung cấp phù hợp với lời khai của anh T và các tài liệu, chứng cứ anh T cung cấp trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của ông H, bà H1, anh N về việc vay vốn ngân hàng và chuyển tiền vào tài khoản của anh T, có căn cứ xác định anh N đã vay tiền Ngân hàng với mục đích để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, thanh toán tiền mua hàng của anh T.

[3] Xem xét về tổng số tiền anh N chuyển vào tài khoản của anh T nhiều hơn nhiều lần số tiền anh N còn nợ, điều này là không phù hợp với giao dịch vay nợ và trả nợ trong thực tế. Đối chiếu về thời gian vay nợ và thời gian anh N chuyển khoản thì có ba khoản nợ anh N vay phát sinh sau thời gian anh N chuyển tiền vào tài khoản của anh T, do vậy anh N xác định đã chuyển khoản để trả nợ anh T có sự không thống nhất về mặt thời gian vay nợ và trả nợ.

[4] Theo anh N xác định đã có mượn tư cách pháp nhân của Công ty TNHH TM – Hana (do vợ anh T làm giám đốc) để thực hiện các giao dịch công việc xây dựng công trình và chuyển tiền liên quan đến công việc nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại các tài liệu do nguyên đơn cung cấp như Nhật ký thi công, Hồ sơ nghiệm thu hợp đồng của Công ty TNHH TM – Hana đều ghi nhận anh N có chức danh là Chỉ huy trưởng công trường.

[5] Với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được phân tích như trên, HĐXX đánh giá anh N và anh T có quan hệ bạn bè, kinh doanh, anh N có vay tiền và mua hàng của anh T, anh N đã chuyển tiền qua tài khoản cho anh T là để trả tiền mua hàng, không có chứng cứ chứng minh việc anh N chuyển tiền vào tài khoản của anh T là để trả nợ tiền vay. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh N phải trả nợ cho anh T số tiền 284.700.000 đồng. Giao dịch vay nợ không thỏa thuận về lãi, các bên không tranh chấp về nội dung này, HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Thế N phải trả nợ cho anh Nguyễn Văn T số tiền 284.700.000 (*Hai trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm ngàn đồng*)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có N vụ chậm thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thế N phải chịu 14.235.000 (Mười bốn triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí 7.120.000 (Bảy triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0000254, ngày 09 tháng 11 năm 2022, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hà Xuân Trường